TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNĐ-ST
Ngày: 15-5-2023
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Cán bộ Tòa án nhân thành phố P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh P, sinh năm 1995
Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Khu phố 14, phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị Thanh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B vào năm 2020, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2020, ngày 01 tháng 10 năm 2020.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng chúng tôi có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do chồng tôi không có trách nhiệm lo cho gia đình, bạo hành vợ con và còn nhiều vấn đề khác. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn chung sống cũng như không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa chúng tôi đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên là Nguyễn Trọng P, sinh ngày 25/11/2020.

Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T: (Vắng mặt tại phiên tòa)

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung bà P và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại khu phố 14, phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B. Căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Thanh P về việc "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thanh P và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2020, ngày 01 tháng 10 năm 2020.

Trong quá trình chung sống giữa bà P và ông T phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông bà sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh P và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2020, ngày 01 tháng 10 năm 2020. Qua bản tự khai và phần trình bày của bà P tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà P và ông T không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay bà P khai giữa bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khi Tòa án thông báo cho ông T biết việc bà P xin ly hôn với ông nhưng ông T vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông T chứng tỏ, ôngT đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ôngT theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà P.

Nhận thấy việc bà Phan Thị Thanh P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn chính đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà P thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà P được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông, bà có 01 người con chung tên là Nguyễn Trọng P, sinh ngày 25/11/2020.

Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị Thanh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà P. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ <u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ <u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh P được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Ông, bà có 01 người con chung tên là Nguyễn Trọng P, sinh ngày 25/11/2020.

Sau khi ly hôn giao con chung là Nguyễn Trọng P cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phan Thị Thanh P chưa yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông T và bà P vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị Thanh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0014124 ngày 04/01/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu. Bà P đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bà Phan Thị Thanh P là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2023). Quyền kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THA dân sự TP. P;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng